TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22-01-2018
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Thanh;

2. Bà Lê Thị Thanh Thủy.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Diễm Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 22 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 192/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2017 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bồ Thị C, sinh năm 1962; địa chỉ: Ấp Đ, xã B, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1962; địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 9 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Bồ Thị C trình bày:

Bà Bồ Thị C và ông Trần Văn H tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1985, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Tân Uyên, tỉnh Sông Bé (Nay là xã Bình Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương) theo Giấy công nhận kết hôn ngày 17/10/1985. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có hai con chung là Trần Châu T, sinh năm 1988 và Trần Châu K, sinh năm 1987. Năm 1988, ông H về xã T sinh sống và chung sống như vợ chồng với người phụ nữ khác. Kể từ

thời điểm đó đến nay, vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa. Do đó, bà C khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông H.

Về con chung: Có hai con chung tên Trần Châu T, sinh năm 1988 và Trần Châu K, sinh năm 1987. Các con đã thành niên nên bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết quyền nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – ông Trần Văn H đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án nhưng ông H đều vắng mặt và có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn – ông Trần Văn H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Văn H theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Bồ Thị C và ông Trần Văn H tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Tân Uyên, tỉnh Sông Bé (Nay là xã B, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương) theo Giấy công nhận kết hôn ngày 17/10/1985. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Bà C và ông H không còn chung sống với nhau từ năm 1988 đến nay. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho ông H nhưng ông H không đến Tòa án để tham gia tố tụng và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chứng tỏ ông H không còn có ý định duy trì quan hệ hôn nhân với bà C. Xét thấy, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên tình yêu thương, trách nhiệm, nghĩa vụ, sự quan tâm, chăm sóc nhau. Tuy nhiên, các bên đã không còn chung sống với nhau đã lâu, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Do đó, việc bà C yêu cầu ly hôn với ông H là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về con chung: Các con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Bồ Thị C phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

[8] Từ những phân tích trên, xét thấy, có cơ sở chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bồ Thị C.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Bồ Thị C được ly hôn với ông Trần Văn H.

- Về con chung: Các con đã thành niên nên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Bà Bồ Thị C phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0016691 ngày 03/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- CCTHADS huyện Bắc Tân Uyên;
- UBND xã B;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Mỹ Trúc